



**CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ
TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền Thông công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất Bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/7/2010.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Nhà Xuất Bản Giáo dục chiếm tỷ lệ 51%.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2010: 10.000.000.000 đồng.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 04.35122163
- Fax: (84) 04.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ các ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Phát hành sách, tranh-ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) không bao gồm xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Quảng cáo trung bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Thiết kế trang web;
- Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư, các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 70 người. Trong đó nhân viên quản lý 9 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Phạm Ngọc Tới | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Lê Hoàng Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Trần Tiểu Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Tô Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/07/2008 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------------|------------|--|
| • Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Lưu Chí Đồng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007
Miễn nhiệm ngày 29/03/2010 |
| • Ông Võ Văn Chiến | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2010 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------|----------------|--|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |
| • Ông Trần Tiểu Lâm | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007
Miễn nhiệm ngày 01/01/2011 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2011



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 340/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 3/3/2011 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 23. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Một số khoản nợ phải thu 3.471.950.561 đồng; nợ phải trả 4.089.638.368 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2010. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm hiện nay chúng tôi không nhận được sự trả lời từ phía các bên liên quan.

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu ngoại trừ sự ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Lê Khắc Minh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Nở
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.570.368.073	14.117.465.582
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.415.793.631	1.575.558.676
1. Tiền	111	5	3.415.793.631	1.575.558.676
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		750.000.000	3.750.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	750.000.000	3.750.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.252.372.508	4.165.910.700
1. Phải thu khách hàng	131		10.662.179.223	3.123.834.850
2. Trả trước cho người bán	132		1.454.023.929	726.582.483
3. Các khoản phải thu khác	135	7	136.169.356	315.493.367
IV. Hàng tồn kho	140		5.173.747.804	4.341.267.465
1. Hàng tồn kho	141	8	5.173.747.804	4.341.267.465
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		978.454.130	284.728.741
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	571.815.846	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	139.099.414	192.694.753
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	267.538.870	92.033.988
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.670.283.727	2.701.397.985
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.040.220.917	2.701.397.985
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.040.220.917	2.701.397.985
- Nguyên giá	222		4.621.477.129	3.263.651.038
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.581.256.212)	(562.253.053)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		630.062.810	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	630.062.810	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.240.651.800	16.818.863.567

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.573.732.210	4.616.787.357
I. Nợ ngắn hạn	310		13.552.954.633	4.600.475.307
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	2.800.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		8.528.886.230	3.195.617.107
3. Người mua trả tiền trước	313		637.669.612	1.221.179.395
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	497.529.841	13.350.446
5. Phải trả người lao động	315		817.064.410	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	229.102.575	92.431.136
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		42.701.965	77.897.223
II. Nợ dài hạn	330		20.777.577	16.312.050
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		20.777.577	16.312.050
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.666.919.590	12.202.076.210
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	12.666.919.590	12.202.076.210
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	285.400.792	79.443.651
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	190.372.321	90.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	2.191.146.477	2.032.632.559
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.240.651.800	16.818.863.567

Giám đốc

Kế toán trưởng

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	31.841.050.804	13.963.674.833
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	31.841.050.804	13.963.674.833
4. Giá vốn hàng bán	11	19	23.975.296.471	9.941.849.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		7.865.754.333	4.021.825.717
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	237.978.974	644.806.593
7. Chi phí tài chính	22	21	53.797.888	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		51.797.888	-
8. Chi phí bán hàng	24		1.697.830.246	277.765.292
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.398.249.395	1.902.974.557
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.953.855.778	2.485.892.461
11. Thu nhập khác	31	22	12.210.500	69.537.563
12. Chi phí khác	32		-	79.783.344
13. Lợi nhuận khác	40		12.210.500	(10.245.781)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	2.966.066.278	2.475.646.680
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	788.805.934	468.200.254
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	2.177.260.344	2.007.446.426
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.177	2.007

Giám đốc

Kế toán trưởng

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	25.328.709.807	13.073.461.785
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(21.394.911.300)	(9.308.467.581)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.967.458.566)	(2.663.745.386)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(51.797.888)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(344.789.339)	(373.508.648)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.344.106.605	568.792.392
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.360.178.247)	(2.342.939.505)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.446.318.928)	(1.046.406.943)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.357.826.091)	(2.783.627.058)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(750.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	237.978.974	644.806.593
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.880.152.883	1.111.179.535
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.800.000.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.393.599.000)	(694.847.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.406.401.000	(694.847.162)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.840.234.955	(630.074.570)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.575.558.676	2.205.633.246
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.415.793.631	1.575.558.676

Giám đốc

Kế toán trưởng

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất Bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/7/2010.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Nhà Xuất Bản Giáo dục chiếm tỷ lệ 51%.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ các ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lich, catalogue) không bao gồm xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Thiết kế trang web;
- Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư, các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để tất toán số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tất cả tài sản cố định. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	3,5
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.11 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.12 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Đối với Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: không thuộc đối tượng chịu thuế.
 - ✓ Đối với sách tham khảo, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%.
 - ✓ Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	464.902.813	191.881.357
Tiền gửi ngân hàng	2.950.890.818	1.383.677.319
Cộng	3.415.793.631	1.575.558.676

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Cổ phiếu Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Hà Nội (75.000 CP)	750.000.000	750.000.000
Cho Nhà Xuất bản Giáo dục vay	-	3.000.000.000
Cộng	750.000.000	3.750.000.000

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạ Thanh Tùng	90.000.000	90.000.000
Tô Thanh Bình	-	100.000.000
Bảo hiểm xã hội	30.278.491	54.793.753
Thuế TNCN	-	64.599.614
Phải thu khác	15.890.865	6.100.000
Cộng	136.169.356	315.493.367

8. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.141.003.200	707.272.790
Chi phí SX, KD dở dang	745.214.269	554.849.516
Thành phẩm	2.711.225.216	3.074.790.279
Hàng hóa	576.305.119	4.354.880
Cộng	5.173.747.804	4.341.267.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	571.815.846	-
Cộng	571.815.846	-

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế GTGT nộp thừa	-	89.204.930
Thuế TNDN nộp thừa	-	19.979.592
Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp	139.099.414	83.510.231
Cộng	139.099.414	192.694.753

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	267.538.870	92.033.988
Cộng	267.538.870	92.033.988

12. Tài sản cố định hữu hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.160.339.780	660.300.745	443.010.513	3.263.651.038
Mua sắm trong kỳ	1.233.700.091	-	124.126.000	1.357.826.091
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	3.394.039.871	660.300.745	567.136.513	4.621.477.129
Khấu hao				
Số đầu năm	147.340.675	128.391.812	286.520.566	562.253.053
Khấu hao trong kỳ	638.239.932	220.100.244	160.662.983	1.019.003.159
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	785.580.607	348.492.056	447.183.549	1.581.256.212
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.012.999.105	531.908.933	156.489.947	2.701.397.985
Số cuối kỳ	2.608.459.264	311.808.689	119.952.964	3.040.220.917

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 318.051.920 đồng.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	338.041.977	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	292.020.833	-
Cộng	630.062.810	-

14. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn	2.800.000.000	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Hà Nội	1.600.000.000	-
- Ngân hàng Quân đội Chi nhánh Hoàn Kiếm	1.200.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	2.800.000.000	-

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	73.492.838	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	424.037.003	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Các loại thuế khác	-	13.350.446
Cộng	497.529.841	13.350.446

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	80.311.852	52.593.212
Bảo hiểm y tế	15.481.465	4.481.490
Cổ tức phải trả	15.375.800	8.974.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	117.933.458	26.381.634
- Quỹ từ thiện NXB	6.195.714	9.195.714
- Phải trả khác	111.737.744	17.185.920
Cộng	229.102.575	92.431.136

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2009	10.000.000.000	-	-	459.842.170	10.459.842.170
Tăng trong năm	-	79.443.651	90.000.000	2.012.234.040	2.181.677.691
Giảm trong năm	-	-	-	439.443.651	439.443.651
Số dư tại 31/12/2009	10.000.000.000	79.443.651	90.000.000	2.032.632.559	12.202.076.210
Số dư tại 01/01/2010	10.000.000.000	79.443.651	90.000.000	2.032.632.559	12.202.076.210
Tăng trong năm	-	205.957.141	100.372.321	2.177.260.344	2.483.589.806
Giảm trong năm	-	-	-	2.007.446.426	2.007.446.426
Số dư tại 31/12/2010	10.000.000.000	285.400.792	190.372.321	2.202.446.477	12.678.219.590

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vốn góp của Nhà Xuất Bản Giáo dục	5.100.000.000	5.100.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	4.900.000.000	4.900.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.032.632.559	459.842.170
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.177.260.344	2.007.446.426
Phân phối lợi nhuận	2.007.446.426	439.443.651
- Trích quỹ đầu tư phát triển	205.957.141	79.443.651
- Trích quỹ dự phòng tài chính	100.372.321	90.000.000
- Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	301.116.964	270.000.000
- Trả cổ tức	1.400.000.000	-
Chi phí đại hội cổ đông năm 2010	11.300.000	-
Tặng khác	-	4.787.614
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.191.146.477	2.032.632.559

Lợi nhuận sau thuế năm 2009 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng doanh thu	31.841.050.804	13.963.674.833
+ Doanh thu bán sách tham khảo	21.301.600.677	8.016.573.941
+ Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	9.189.475.508	5.850.899.991
+ Doanh thu thiết bị	1.092.312.363	-
+ Doanh thu khác	257.662.256	96.200.901
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.841.050.804	13.963.674.833

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn sách tham khảo	15.753.749.648	5.657.254.644
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	7.239.983.225	4.284.594.472
Giá vốn thiết bị	934.432.416	-
Giá vốn hàng hóa khác	47.131.182	-
Cộng	23.975.296.471	9.941.849.116

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	142.183.974	644.806.593
Cổ tức, lợi nhuận được chia	95.795.000	-
Cộng	237.978.974	644.806.593

21. Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	51.797.888	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.000.000	-
Cộng	53.797.888	-

22. Thu nhập khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu từ bán phế liệu	-	67.156.364
Nhận tiền thưởng từ Nhà Xuất bản	7.322.000	-
Thu nhập khác	4.888.500	2.381.199
Cộng	12.210.500	69.537.563

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.966.066.278	2.475.646.680
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	189.157.457	199.783.342
Điều chỉnh tăng	189.157.457	199.783.342
- Chi phí không hợp lệ	189.157.457	199.783.342
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.155.223.735	2.675.430.022
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	788.805.934	668.857.506
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo TT03/2009	-	200.657.252
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	788.805.934	468.200.254
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.177.260.344	2.007.446.426

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Error! Not a valid link.

25. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 30/03/2010 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt với tỷ lệ 14% vốn điều lệ (tương ứng 1.400.000.000 đồng).

Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 30/12/2010 về việc tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng tiền với tỷ lệ 15% vốn điều lệ. Theo đó, ngày 11/02/2011 là ngày chốt danh sách cổ đông, ngày chi trả cổ tức là ngày 28/02/2011.

26. Các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	Nhà đầu tư
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty CP in Sách Giáo khoa Hòa Phát	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Học Liệu Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Tự điển Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Sao Mai	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Thiết kế và Phát hành Sách Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Công ty cùng chung nhà đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm với các bên có liên quan gồm:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Bán hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.157.239.255	293.681.651
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	48.701.870	4.130.412.566
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	861.297.253	250.260.843
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	929.720.322	625.728.219
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	134.363.373	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	272.965.780	58.838.717
Công ty CP Sách Dân tộc	1.569.420.521	484.507.456
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	3.222.625.943	762.216.511
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	436.845.239	-
Mua hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.596.178.120	67.830.626
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	305.747.492	51.871.819
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	804.526.549	217.503.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	125.706.416	125.374.602
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	285.167.933	33.275.160
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	374.425.699	213.046.752
Công ty CP Sách Dân tộc	1.134.974.432	1.213.335.536
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	338.800.308	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	253.400.560	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi phí lãi vay

Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	103.195.833	609.680.557
--------------------------------	-------------	-------------

c. Số dư với các bên có liên quan tại ngày 31/12/2010

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.290.779.117	283.890.909
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	142.444.103	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	410.083.394	70.474.816
Công ty CP Sách Dân tộc	1.070.922.550	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	481.646.553	235.996.912
Phải trả người bán		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	290.501.072	
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	500.557.749	76.744.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	152.351.129	19.124.160
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	125.515.089	187.346.010
Công ty CP Sách Dân tộc	654.436.128	738.448.497

27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

28. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Giám đốc

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 3 tháng 3 năm 2011

Phạm Văn Thắng